

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (hợp nhất)

Quý 04 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV Năm 2010	Quý IV Năm 2009	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	72,649,418,602	80,938,628,037	307,256,502,909	301,479,746,130
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2,280,069,310	2,842,852,807	7,371,621,894	8,851,115,243
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	70,369,349,292	78,095,775,230	299,884,881,015	292,628,630,887
Giá vốn hàng bán	11	45,726,293,890	54,893,357,728	203,049,558,456	210,757,884,284
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	24,643,055,402	23,202,417,502	96,835,322,559	81,870,746,603
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,527,016,062	3,760,701,464	3,985,104,726	2,400,614,612
Chi phí tài chính	22	2,760,427,213	1,528,404,791	8,502,006,044	5,284,063,282
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2,653,372,707	1,138,479,593	8,007,665,262	4,347,146,044
Chi phí bán hàng	24	20,392,018,453	17,915,360,276	75,317,129,148	66,987,359,264
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5,689,243,730	4,550,253,234	19,316,444,979	17,354,009,015
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1,671,617,933)	2,969,100,663	(2,315,152,886)	(5,354,070,348)
Thu nhập khác	31	1,247,308,171	3,297,587,314	23,857,591,387	11,374,434,969
Chi phí khác	32	328,516,198	696,792,215	11,692,130,321	1,328,606,568
Lợi nhuận khác	40	918,791,973	2,600,795,099	12,165,461,066	10,045,828,401
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(752,825,960)	5,569,895,762	9,850,308,180	4,691,758,053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,771,036	544,991,050	4,655,163,801	1,251,565,783
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7,843,270	28,633,074	(212,490,053)	(32,956,872)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(762,440,266)	4,996,271,638	5,407,634,432	3,473,149,142

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lã Thái Hiệp




Phan Thị Lệ